

Bản án số: **32** /2018/HNGĐ-ST

Ngày 01/11/2018

“V/v Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái Bảo và ông Vũ Đức Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Ninh Trọng Khánh, kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 112/2018/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 08 năm 2018 về “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đào Thị Ánh T, sinh năm 1993; Đăng ký thường trú tại: xóm 7, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình; tạm trú tại: xóm 2, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1985; Đăng ký thường trú và hiện cư trú tại: xóm 7, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Đào Thị Ánh T và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình ngày 26/05/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại xóm 7, xã Y, huyện K cùng bố mẹ đẻ anh Đ; vợ chồng đã có thời gian chung sống hạnh phúc sau đó thì mới phát sinh mâu thuẫn, vì mâu thuẫn nên chị T và anh Đ sống ly thân nhau từ giữa năm 2015 đến nay.

Về phía nguyên đơn chị Đào Thị Ánh T xác định: Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng quan điểm lối sống, phương thức làm ăn kinh tế và từ mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn với gia đình nhà chồng; dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi chửi nhau. Mặc dù chị đã cố gắng tìm cách khắc phục và đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng tình trạng vợ chồng không cải thiện được nên chị đã sống ly thân với anh Đ từ tháng 7 năm 2015, trong suốt thời

gian ly thân anh Đ không quan tâm đến mẹ con chị. Do tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không khắc phục được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giải phóng cho cả hai để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị T xác định chị và anh Đ chỉ có 01 con chung là Nguyễn Mai P, sinh ngày 16-01-2013 hiện đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và yêu cầu anh Đ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị mỗi tháng 1 triệu đồng đến khi con chung thành niên.

Về phía bị đơn anh Nguyễn Văn Đ: Mặc dù có mặt tại nơi cư trú; đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của TAND huyện K về việc ly hôn tranh, chấp nuôi con chung khi ly hôn do chị T khởi kiện nhưng không có văn bản nêu ý kiến trả lời yêu cầu khởi kiện của chị T; không thực hiện quyền và nghĩa vụ của bị đơn các giai đoạn tố tụng tiếp theo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K: Nguyên đơn và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS; bị đơn chưa thực hiện đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 227 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14. Xử lý hôn giữa chị Đào Thị Ánh T và anh Nguyễn Văn Đ; giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Mai P, sinh ngày 16-01-2013, anh Đ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T mỗi tháng 1 triệu đồng đến khi con chung thành niên; chị T phải nộp 300.000^d án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000^d án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Đào Thị Ánh T khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ, cư trú tại xóm 7 xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K. Anh Nguyễn Văn Đ được Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2, Điều 227 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh.

[2] Về quan hệ hôn nhân thấy rằng : Chị Đào Thị Ánh T và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2011 tại UBND xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 Luật HNGĐ; sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận một thời gian thì mới phát sinh mâu thuẫn; do mâu thuẫn vợ chồng tháng 7 năm 2015 chị T sống ly thân với anh Đ.

Về phía chị T xác định vợ chồng không thể chung sống cùng nhau được vì mâu thuẫn đã trầm trọng mà nguyên nhân do bất đồng quan điểm lối sống và một phần mâu thuẫn với gia đình nhà chồng khi sống chung; mặc dù đã thực hiện các biện pháp khắc phục, được gia đình hai bên khuyên giải nhưng không có kết quả.

Về phía anh Đ mặc dù biết chị T yêu cầu tòa án giải quyết việc ly hôn với anh, nhưng anh không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình; không có biện pháp nào khắc phục mâu thuẫn nhằm duy trì hôn nhân, có ý bỏ mặc không quan tâm đến cuộc sống chung.

Xác minh tình trạng hôn nhân của chị T và anh Đ tại UBND xã Y là nơi anh chị cư trú thì chính quyền địa phương xác nhận từ giữa năm 2015 do mâu thuẫn vợ chồng nên chị T và con đã bỏ về nhà mẹ đẻ tại xóm 2, xã Y sinh sống cho đến nay. Tại biên bản sự việc ngày 06/9/2018 bà Nguyễn Thị X mẹ anh Đ cung cấp và qua điện thoại anh Đ cũng xác nhận thì nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh và chị T chính là do tính cách, lối sống cả đôi bên không hợp nhau dẫn đến vợ chồng có va chạm đánh cãi chửi nhau, gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng chỉ được một thời gian mâu thuẫn tiếp tục phát sinh và không thể khắc phục được, vợ chồng đã sống ly thân từ giữa năm 2015 đến nay; đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của cô T để giải phóng cho cả hai.

Thực tế vì mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được chị T và anh Đ đã sống ly thân từ giữa năm 2015. Từ những căn cứ đó đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của anh Đ và chị T hiện nay đã trầm trọng, không còn khả năng khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của chị T giải quyết ly hôn anh Đ là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về con: Vợ chồng anh Đ và chị T có một con chung là Nguyễn Mai P hiện đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị mỗi tháng 1 triệu đồng đến khi con chung thành niên; còn anh Đ không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu của chị T về vấn đề con chung nhưng tại biên bản sự việc ngày 06/9/2018 qua điện thoại anh Đ có ý kiến cố T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con thì anh cũng đồng ý và anh sẽ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung với cô T bằng mức cô T yêu cầu, sau này nếu cô T không nuôi được con thì đưa về cho anh nuôi dưỡng. Căn cứ thực tế chị T đang nuôi dưỡng con chung kể từ khi ly thân năm 2015, quan điểm của hai bên về nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung cũng như quy định tại Điều 81 luật HNGĐ thì việc giao cháu P cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục, anh Đ phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung 1 triệu đồng/1 tháng kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung thành niên như chị T đề xuất là phù hợp, được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Khi ly hôn chị T không yêu cầu tòa án giải quyết, anh Đ không có phản tố về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Tại phiên tòa chị T yêu cầu được đóng góp toàn bộ án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con; Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc chị T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 227 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân : Xử lý hôn giữa chị Đào Thị Ánh T và anh Nguyễn Văn Đ.

2/ Về con : Giao chị Đào Thị Ánh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Mai P sinh ngày 16-01-2013 đến khi thành niên. Anh Đ phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 1 triệu đồng kể từ tháng 11/2018 đến khi con chung thành niên. Không bên nào được cản trở quyền thăm nom chăm sóc con chung.

3/ Về án phí : Chị Đào Thị Ánh T phải nộp 300.000^d án phí ly hôn và 300.000^d án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào số tiền 300.000^d tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA 2893 ngày 23/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị T còn phải nộp tiếp 300.000^d.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thế Anh